

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2020

*“V/v yêu cầu giải quyết ly hôn,  
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Rmah HThuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Tô Thị Lành

2. Lê Thị Thanh Cường

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc *“Yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Đức T

Địa chỉ: Số 204 đường Lê Thánh Tôn, tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Chị La Thị Hồng N

Địa chỉ: Số 204 đường Lê Thánh Tôn, tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Anh Nguyễn Đức T trình bày:*

Anh và chị La Thị Hồng N đăng ký kết hôn từ ngày 31-3-2004 tại Ủy ban nhân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay, hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N.

Anh và chị La Thị Hồng N có 03 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 12-9-2004, cháu Nguyễn La Quỳnh N, sinh ngày 10-10-2006 và cháu

Nguyễn La Quỳnh M, sinh ngày 09-5-2014. Nguyên vọng của anh T là muốn được nuôi cả ba con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với chị La Thị Hồng N. Tuy nhiên, chị N không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, chị N không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Anh Nguyễn Đức T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị La Thị Hồng N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị La Thị Hồng N có nơi cư trú tại số 204 đường Lê Thánh Tôn, tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Anh Nguyễn Đức T và chị La Thị Hồng N đã đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T trình bày thì trong thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị La Thị Hồng N.

[3] Xét tình cảm giữa anh T và chị N không còn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã triệu tập chị N để tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau và để giải quyết vụ án nhưng chị N không đến Tòa án để tham các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, chị N đã không còn không quan tâm đến tình cảm vợ chồng cũng như việc xây dựng tổ ấm gia đình.

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T là có căn cứ.

[4] Anh Nguyễn Đức T và chị La Thị Hồng N có 03 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 12-9-2004, cháu Nguyễn La Quỳnh N, sinh ngày 10-10-

2006 và cháu Nguyễn La Quỳnh M, sinh ngày 09-5-2014. Nguyên vọng của anh T là muốn được nuôi cả ba con.

Xét cháu Khoa và cháu N hiện nay đã hơn 07 tuổi tại biên bản lấy lời khai, các cháu đều có nguyện vọng muốn sống với bố. Đối với cháu M hiện đang sống với anh T, hiện nay chị N đã bỏ nhà đi không quan tâm đến việc chăm sóc nuôi dưỡng các con nên tiếp tục giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Như vậy, yêu cầu của anh T phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### ***Tuyên Xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T.

1. Cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị La Thị Hồng N.

2. Giao các cháu cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 12-9-2004, cháu Nguyễn La Quỳnh N, sinh ngày 10-10-2006 và cháu Nguyễn La Quỳnh M, sinh ngày 09-5-2014 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không có yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai số 0004799 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Như vậy, anh T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với chị La Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
  - VKSND thành phố P;
  - Chi cục THADS thành phố P;
  - Các đương sự;
  - UBND Phường Y, thành phố P;
- (GCNKH số 40/UBTP; Quyển 05/2004);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Rmah HThuyên**